

ĐỀ TÀI:

**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ
VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG
THỜI ĐẠI NGÀY NAY**

I. LỜI MỞ ĐẦU

Nhân dân ta có lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Trong đấu tranh chống kẻ thù xâm lược cũng như trong lao động sản xuất nhân dân Việt Nam đã thể hiện tinh thần chiến đấu ngoan cường, sự thông minh sáng tạo, ý thức độc lập tự chủ, tự lực, tự cường. Trong truyền thống dân tộc ấy Hồ Chí Minh nhìn thấy nổi bật lên sức mạnh của lòng yêu nước. Tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam có những đặc điểm riêng biệt, đặc sắc, vì phải luôn luôn đối đầu với nhiều khó khăn của tự nhiên và chiến tranh xâm lược, sự đô hộ của kẻ thù từ nhiều phương kéo đến. Lòng yêu nước Việt Nam đã trở thành sức mạnh, một thứ đạo lý, một lẽ sống của mỗi người dân, cũng là một tiêu chí cao nhất để đánh giá con người trong xã hội ta.

Hồ Chí Minh xác định con đường cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc đã phát huy lòng yêu nước truyền thống và nâng thành lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa. Tinh thần, ý chí độc lập, tự chủ, tự cường và lòng yêu nước phát huy được sức mạnh to lớn, tạo nên truyền thống đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân. Hồ Chí Minh đã làm nổi bật sức mạnh của con người Việt Nam, đó là sức mạnh thể lực và trí tuệ, sức mạnh của bề dày lịch sử và trong cuộc đấu tranh hiện tại, sức mạnh của sự thông minh và dũng cảm, của lòng tin chân chính không gì lay chuyển. Sức mạnh ấy bền vững và được nhân lên nhiều lần dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.

Thời đại của chúng ta mở đầu bằng Cách mạng tháng Mười Nga 1917. Cuộc cách mạng này đã mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc và cả loài người, mở đầu thời đại mới trong lịch sử. Theo Hồ Chí Minh sức mạnh thời đại là sức mạnh của giai cấp vô sản thế giới, của nhân dân lao động thế giới. Trong quá trình nhận thức và vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh nhận thấy phải dựa vào sức mạnh của dân tộc là chủ yếu, đồng thời phải khai thác sức mạnh của thời đại. Những nội dung, nguyên tắc về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một bộ phận quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thời đại ngày nay, đặc biệt là giai đoạn hiện nay đang diễn ra một cuộc

đấu tranh gay gắt trên mặt trận tư tưởng cũng như về hoạt động thực tiễn mà chúng ta cần nhận thức đúng đắn để tiến hành những hoạt động quốc tế phục vụ sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

1. Cô sô hình thaønh tö töôung Hoà Chí Minh veà vaán ñeà dân tộc

a. Cơ sở lý luận.

- Tư tưởng quan điểm về độc lập chủ quyền quốc gia của dân tộc Việt Nam.

+ Về quyền dân tộc, Hồ Chí Minh cho rằng tất cả các dân tộc trên thế giới đều bình đẳng; tức độc lập tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc. Sinh ra trong cảnh nước mất nhà tan, tận mắt chứng kiến sự chà đạp của ngoại bang lên tự do độc lập của đất nước, được kết tinh, hun đúc từ tình thân nồng nàn yêu nước của người dân nước Việt, Hồ Chí Minh cho rằng: đối với một người dân mất nước, cái quý nhất trên đời là độc lập của tổ quốc, tự do của nhân dân.

- Quan điểm về vấn đề dân tộc của Mac-Lênin

+ Đồn vớ chñ nghÜa M,c-L^anin, Hả ChÝ Minh ®· t×m ®-íc c-ñ sè thÕ giú quan vµ ph-ñng ph,p luËn cña t- t-êng cña m×nh. Nhê vÿy Ng-êi ®· hÿp thõ vµ chuyÓn ho, ®-íc nh÷ng nh©n tè tÝch cùc vµ tiÕn bé cña truyÒn thøng d©n tíc còng nh- cña t- t-êng v'ñ ho, nh©n lo'i t'o n'ñn hÖ thøng t- t-êng Hả ChÝ Minh. V× vÿy t- t-êng Hả ChÝ Minh thuéc hÖ t- t-êng M,c-L^anin; ®'àng thêi nã cñn lµ sù vÿn ðông vµ ph,t tríÓn lµm phong phó chñ nghÜa M,c-L^anin è thêi ®'i c,c d©n tíc bP ,p bøc ving l'ñ giµnh ®éc lÿp tù do, x©y ðùng ®'ei sèng míi.

b. Cơ sở thực tiễn

- Khái quát về hoàn cảnh thế giới và Việt Nam cuối XIX và đầu XX.

+ §Çu thÕ kÿ XX, chñ nghÜa t- bñn tù do c'ñh tranh ®· chuyÓn sang giai ®'o'ñn ®'Õ quèc chñ nghÜa. Chóng vĩa tranh giµnh x©u xÐ thuéc ®'Pa vĩa vµo hĩa vớ nhau ®'Ó n« dPch c,c d©n tíc nhá yÕu trong vßng k×m kñp thuéc ®'Pa cña chóng. Bêi vÿy, cuéc ®'Ëu tranh gi'ñi phãng thuéc ®'Pa ®· trê thụng cuéc ®'Ëu tranh chung cña c,c d©n tíc thuéc ®'Pa chøng chñ nghÜa ®'Õ quèc thùc d©n g'ñn liÒn vớ cuéc ®'Ëu tranh cña giai cÿp v« sññn quèc tÕ.

Khi cñn è trong n-íc, NguyÔn TÊt Thụng ch-a nhÿn thøc ®-íc ®'Æc ®'iÓm cña thêi ®'i. Tuy vÿy, Ng-êi còng thÿy rã con ®-êng cøu n-íc cña c,c bÿc cha anh lµ cò kù, kh«ng thÓ cã kÕt qu'ñ. NguyÔn TÊt Thụng x,c ®'pnh ph'ñi ®'i ra n-íc ngoai, ®'i t×m mét con ®-êng míi. NguyÔn TÊt Thụng ®· v-ít ba ®'i d-ñng, bèn ch©u lôc, tíi gÇn 30 n-íc- quan s,t nghi'ñn cøu c,c n-íc thuéc ®'Pa vµ c,c n-íc t- bñn. NguyÔn TÊt Thụng trê thụng ng-êi ®'i nhiÒu nhÿt, cã vèn hiÓu biÕt phong phó nhÿt.

Cuòi n'ím 1917, NguyÔn TÊt Thụng tã Anh vÒ sèng vµ ho'ñt ®'éng è Pari-thñ ®« n-íc Ph,p. G'ñn bã vớ phong trạo lao ®'éng Ph,p, vớ nh÷ng ng-êi ViÕt Nam, vớ nh÷ng nhµ c,ch m'ñng tã c,c thuéc ®'Pa Ph,p.

Nguyễn Tất Thịnh (1919) - mét chÝnh duy nhÊt của Ph, p b^ánh vùc c, c d^on t^éc thu^éc (P).
N^ám 1919, H^éi ngh^áp h^op b^xnh (á-í) khai m^ác ì V^Đcx^oy, Nguyễn, i Qu^èc (á-í) cũ h^ot^á (é)ng mang nhi^êu ý ngh^ĩa. Ng-êi (á-í) nh^on danh nh^áng ng-êi Vi^êt Nam y^áu n-í) g^oi tíi H^éi ngh^áp b^án Y^áu s, ch cũa nh^on d^on An Nam, (á-í) c, c quy^on tù do, d^on cũn t^èi thi^ou cho n-í) ta. B^án y^áu s, ch (á-í) kh^ong (á-í) cũp nh^ên. T^ó (á-í), Nguyễn, i Qu^èc (á-í) r^ót ra k^ot lu^ên: Mu^on (á-í) gi^ái ph^áng, c, c d^on t^éc cũ cũ th^o tr^ong cũy v^o b^án th^on m^xnh.

C, ch m^áng Th, ng M-êi Nga n^ám 1917 n^áe ra v^u gi^ánh th^áng líi (á-í) m^ê ra th^êi (á-í) míi-th^êi (á-í) qu, (é) t^ó cũn ngh^ĩa t- b^án l^án cũn ngh^ĩa x- h^éi, m^ê ra con (á-í) (é)ng gi^ái ph^áng c, c d^on t^éc thu^éc (P) v^u ph^o thu^éc.

Tr-í) s^u ph^on h^o, v^o (á-í) (é)ng l^èi trong c, c (á-í)ng D^on cũn X- h^éi- Qu^èc t^ó II, th, ng 3-1919, L^ánin s, ng l^êp ra Qu^èc t^ó Céng (á-í)ng (Qu^èc t^ó III)- l^u t^áe cũc cũ s^o m^onh b^áo v^o, ph, t tri^on cũn ngh^ĩa M, c trong (á-í) (é)ng míi, v^u d^én d^át ph^ong tr^uo c, ch m^áng th^o gi^ái. Qu^èc t^ó Céng (á-í)ng ra (á-í) cũ ý ngh^ĩa v^u t, c (é)ng t^o lí) tíi ph^ong tr^uo c, ch m^áng tr^án th^o gi^ái.

Tr^án h^unh tr^xnh t^xm (á-í) (é)ng cũu n-í), (á-í)ng gi^áa n^ám 1920, Nguyễn, i Qu^èc (á-í) cũ nh^áng nh^ên th^oc k^o cũn v^íi nh^áng quan (á-í) cũ cũn cũn ngh^ĩa L^ánin. Nguyễn, i Qu^èc (á-í) nh^ên th^oc v^o quan h^o, p b^oc d^on t^éc (á-í) nh^ên th^oc v^o quan h^o, p b^oc gi^ái cũp; t^ó quy^on cũa c, c d^on t^éc (á-í) quy^on cũa con ng-êi; t^ó x, c (á-í)nh r^á kí th^í l^u cũn ngh^ĩa (á-í) qu^èc (á-í)nh r^á b^án (á-í)ng míi l^u nh^on d^on lao (é)ng ì c, c n-í) cũn qu^èc v^u thu^éc (P). B^èi v^êy, gi^áa th, ng 7-1920, khi (á-í) S- th^áo l^án th^o nh^êt nh^áng lu^ên c--ng v^o v^ên (á-í) d^on t^éc v^u thu^éc (P) cũa L^ánin, Nguyễn, i Qu^èc th^êy nh^áng (á-í) (é)ng m^xnh nung n^êu b^êy nay (á-í) L^ánin di^on (á-í) mét c, ch (á-í) (á-í) v^u s^ou s^ác. T^ó (á-í)ng Ng-êi h^op t^on tin t- (é)ng theo L^ánin.

Nguyễn, i Qu^èc cũng c, c (á-í)ng v^án kh, c trong (á-í)ng x- h^éi Ph, p tham gi^áa v^u cũc tranh lu^án v^o (á-í) (é)ng l^èi cũn l-í), s, ch l-í) cũa (á-í)ng. (á-í)ng (á-í) h^éi l^án th^o 18 (á-í)ng x- h^éi Ph, p (12-1920) k^ot th^oc cũc tranh lu^ên k^o d^ui n^uy (á-í) (á-í)nh d^êu b-í) ngo^át trong cũc (á-í) h^ot (é)ng cũa Nguyễn, i Qu^èc: t^ó cũn ngh^ĩa y^áu n-í) (á-í) v^íi cũn ngh^ĩa M, c-L^ánin, tr^ê th^unh ng-êi céng (á-í)ng, t^xm th^êy con (á-í) (é)ng gi^ái ph^áng d^on t^éc m^xnh trong tr^uo l-í) c, ch m^áng th^o gi^ái.

Nh- v^êy, trong (á-í) (é)ng kí^on l^áp cũ Vi^êt Nam v^u th^o gi^ái cũi th^o k^u XIX (á-í)nh nh^áng n^ám 20 cũa th^o k^u XX, v^íi tr^ý tu^o lí) cũa H^á Ch^ý M^ính (á-í) tr^ê th^unh h^íp (á-í) cũ g^áp g^í quan tr^áng cũa tr^ý tu^o Vi^êt Nam v^u tr^ý tu^o th^êi (á-í), gi^áa cũn ngh^ĩa y^áu n-í) Vi^êt Nam v^u cũn ngh^ĩa M, c-L^ánin, h^xnh th^unh n^án t- t- (é)ng H^á Ch^ý M^ính.

2. Nội dung cơ bản tư tưởng hồ chí minh về vấn đề dân tộc

- *Séc l^êp, tù do l^u quy^on thi^áng lí^áng, b^êt kh^á x^om ph^ám cũa t^êt cũ c, c d^on t^éc. Theo H^á Ch^ý M^ính:*

+ Séc l^êp cũa T^áe qu^èc, tù do cũa nh^on d^on l^u thi^áng lí^áng nh^êt. Ng-êi (á-í) t^ong kh^áng (á-í)nh: C, i m^u t^ái cũn nh^êt tr^án (á-í) n^uy l^u: S^áng b^uo t^ái (á-í) tù do, T^áe qu^èc t^ái (á-í) (é)ng l^êp. Khi th^unh l^êp (á-í)ng n^ám 1930, Ng-êi x, c (á-í)nh c, ch m^áng Vi^êt Nam: S, nh (á-í) (á-í) qu^èc cũn ngh^ĩa Ph, p v^u b^án ph^ong kí^on (á-í) l^um cho n-í) Nam h^op t^on (é)ng l^êp. N^ám 1941, v^o n-í) tr^uc tí^op l-í)nh (á-í) c, ch m^áng. Ng-êi vi^êt th- K^ýnh c, o (á-í)ng b^uo v^u cũ (á-í) r^á: Trong l^oc n^uy quy^on líi d^on t^éc gi^ái ph^áng cao h-í) h^ot th^áy. B^èi v^êy, n^ám 1945 khi th^êi c- c, ch m^áng cũn

muèi, Ng-êi kh¹/₄ng ②pnh quyỐt t②m: Dì cã ph¹/₁i ②èt ch₃y c¹/₁ d₃y Tr-êng S-n còng ph¹/₁i ki¹/₁n quyỐt d¹/₁nh cho ②-íc ②éc IẾp.

§éc IẾp- thềng nhÊt- chñ quyÒn- to¹/₁n vñn l-nh thæ l¹/₁ quyÒn thi¹/₁ng li¹/₁ng, bÊt kh¹/₁ x②m ph¹/₁m cña mét d②n téc. Bèi v②yk khi gi¹/₁nh ②-íc ②éc IẾp d②n téc n¹/₁m 1945, Hả ChÝ Minh tuy¹/₁n bè: _N-íc ViỐt Nam cã quyÒn h-êng tù do v¹/₁ ②éc IẾp, v¹/₁ sù thÊt ②- th¹/₁nh mét n-íc tù do ②éc IẾp. To¹/₁n thỐ d②n téc ViỐt Nam quyỐt ②em tÊt c¹/₁ tinh thÇn v¹/₁ lúc l-îng, tÝnh m¹/₁ng v¹/₁ cña c¹/₁i ②Ó gi÷ v÷ng quyÒn tù do, ②éc IẾp Êy_. Nh-ng ngay sau ②ã 21 ng¹/₁y, th¹/₁c d②n Ph₃p mét lÇn n÷a trê l¹/₁i x②m l-íc n-íc ta. §Ó b¹/₁o vỐ quyÒn thi¹/₁ng li¹/₁ng cña d②n téc, Hả ChÝ Minh ②- ra lêi k¹/₁u gãi vang dĚy nói s«ng: _Kh«ng! Chóng ta th¹/₁ hy sinh tÊt c¹/₁, chø nhÊt ②pnh kh«ng ch¹/₁u mÊt n-íc, nhÊt ②pnh kh«ng ch¹/₁u l¹/₁m n« lỐ_. Nh÷ng n¹/₁m 60 cña thỐ k¹/₁ XX, khi ②Ố quèc M¹/₁ ②i¹/₁n cu¹/₁ng mē réng chiỐn tranh ra miỐn B³/₄c hßng khuÊt phôc ý chÝ ②éc IẾp, tù do cña nh②n d②n ta, Chñ t¹/₁ch Hả ChÝ Minh ②- tr¹/₁ lêi b»ng ch②n lý bÊt hñ _Kh«ng cã g× quý h-n ②éc IẾp, tù do. HỒ cßn mét t¹/₁n x②m l-íc tr¹/₁n ②Êt n-íc ta th× ta ph¹/₁i chiỐn ②- u quĐt s¹/₁ch nã ②i_. ChÝnh b»ng tinh thÇn, ngh¹/₁ lúc n¹/₁y c¹/₁ d②n téc ta ②øng dĚy ②- nh cho M¹/₁ cót, ②- nh cho Ng¹/₁p nh¹/₁o, gi¹/₁i phãng miỐn Nam, thềng nhÊt Tæ quèc. V¹/₁ chÝnh phñ M¹/₁ ph¹/₁i cam kỐt: _Hoa Kú v¹/₁ c₃c n-íc kh₃c t«n trãng ②éc IẾp, chñ quyÒn, thềng nhÊt, to¹/₁n vñn l-nh thæ cña n-íc ViỐt Nam nh- HiỐp ②pnh Gi-nev-v n¹/₁m 1954 vỐ ViỐt Nam ②- c«ng nhĚn_.

+ D②n téc ViỐt Nam cã quyÒn ②éc IẾp, tù do, b×nh ②¹/₄ng nh- bÊt cø d②n téc n¹/₁o kh₃c tr¹/₁n thỐ giíi. N¹/₁m 1945, tiỐp thu nh÷ng nh②n tē cã gi₃, tr¹/₁ trong t- t-êng v¹/₁ v¹/₁n ho₃, ph--ng T②y, Hả ChÝ Minh ②- kh₃i qu₃t n¹/₁n ch②n lý: TÊt c¹/₁ c₃c d②n téc tr¹/₁n thỐ giíi ②Ồu sinh ra b×nh ②¹/₄ng, d②n téc n¹/₁o còng cã quyÒn sèng, quyÒn sung s-íng v¹/₁ quyÒn tù do.

- VĚn ②Ồ d②n téc trong t- t-êng Hả ChÝ Minh cßn l¹/₁ sù kỐt híp nhuÇn nhuyÒn d②n téc v¹/₁i giai cĚp, ②éc IẾp d②n téc v¹/₁ chñ nghŪa x- héi, chñ nghŪa y¹/₁u n-íc v¹/₁i chñ nghŪa quèc tỐ.

Hả ChÝ Minh kh₃c líp tr-íc l¹/₁ Ng-êi gi¹/₁i quyỐt vĚn ②Ồ d②n téc v¹/₁ c₃ch m¹/₁ng gi¹/₁i phãng d②n téc tr¹/₁n IẾp tr-êng cña chñ nghŪa M₃c-L¹/₁nin, gi¹/₁nh ②éc IẾp ②Ó ②i l¹/₁n chñ nghŪa x- héi, mèi quan hỒ d②n téc v¹/₁ giai cĚp ②-íc ②Æt ra.

VĚn ②Ồ d②n téc, trong l¹/₁ch sô cho thĚy- ề thêi ②¹/₁i n¹/₁o còng ②-íc nhĚn th¹/₁c v¹/₁ gi¹/₁i quyỐt tr¹/₁n IẾp tr-êng v¹/₁ theo quan ②iỐm cña mét giai cĚp nhÊt ②pnh. §Ốn thêi ②¹/₁i c₃ch m¹/₁ng v« s¹/₁in cho thĚy chø ②øng tr¹/₁n IẾp tr-êng cña giai cĚp v« s¹/₁in v¹/₁ c₃ch m¹/₁ng v« s¹/₁in m¹/₁i gi¹/₁i quyỐt ②-íc ②óng ②³/₄n vĚn ②Ồ d②n téc.

M₃c-ìngghen cho r»ng, cã triỐt ②Ó xo₃, bá t×nh tr¹/₁ng b¹/₁c lét v¹/₁ p b¹/₁c giai cĚp m¹/₁i cã ②iỒu kiỐn xo₃, bá ch₃ p b¹/₁c d②n téc, m¹/₁i ②em l¹/₁i ②éc IẾp thÊt sù cho d②n téc m×nh v¹/₁ c₃c d②n téc kh₃c. Chø cã giai cĚp v« s¹/₁in v¹/₁i b¹/₁in chĚt c₃ch m¹/₁ng v¹/₁ sô mỒnh l¹/₁ch sô cña m×nh m¹/₁i cã thỐ th¹/₁c hiỒn ②-íc ②iỒu n¹/₁y.

§Ốn thêi ②¹/₁i L¹/₁nin, chñ nghŪa ②Ồ quèc ②- trê th¹/₁nh hỒ thềng thỐ giíi. Theo L¹/₁nin, cuéc ②Ěu tranh cña giai cĚp v« s¹/₁in ề chÝnh quèc sĩ kh«ng thỐ gi¹/₁nh ②-íc th¹/₁ng l¹/₁i nỒu nã kh«ng biỐt l¹/₁n minh v¹/₁i cuéc ②Ěu tranh chềng chñ nghŪa ②Ồ quèc cña c₃c gi₃, tr¹/₁ b¹/₁ p b¹/₁c ề c₃c n-íc th¹/₁c ②pa. Bèi vĚy khĚu hiỒu cña M₃c ②-íc ph₃t triỐn th¹/₁nh: _V« s¹/₁in to¹/₁n thỐ giíi v¹/₁ c₃c d②n téc b¹/₁ p b¹/₁c, ②o¹/₁n kỐt l¹/₁i!_. NguyÔn ₃i Quèc ②- nh gi₃, cao t- t-êng cña L¹/₁nin, Ng-êi cho

r>ng: _L^anin @. @Æt tiOn @Ò cho mét thêi @ⁱ míi, thËt sù c, ch m¹ng trong c, c n-íc thuéc @Pa_.

Tuy nhi^n xuËt ph, t tã y^au cÇu vµ môc ti^aucña c, ch m¹ng v« sñn ã ch@u Çu, M, c-;ngghen vµ L^anin vËn tËp trung nhiÒu h-n vµo vËn @Ò giai cËp, vËn @Æt l^an húng @Çu vµ bñlo vÒ nh-ng lĩi Ých kh«ng phô thuéc vµo d@n tãc vµ chung cho toµn thÓ giai cËp v« sñn_.

Hả ChÝ Minh @i t@m @-êng cøu n-íc, @Õn víi chñ nghÜa M, c-L^anin, x, c @Pnh con @-êng giñi phãng d@n tãc m×nh theo c, ch m¹ng v« sñn, tãc lµ Ng-êi @. tiÕp thu lý luËn vÒ giai cËp vµ @Ëu tranh giai cËp cña chñ nghÜa M, c-L^anin, thËy rã mèi quan hÏ gi+a d@n tãc vµ giai cËp, gi+a c, ch m¹ng giñi phãng d@n tãc vµ c, ch m¹ng v« sñn. Nh-ng xuËt ph, t tãc thùc tiÕn d@n tãc thuéc @Pa, Hả ChÝ Minh @. vËn ðông s, ng t^o vµ ph, t triOn nh-ng quan @iOm cña chñ nghÜa M, c-L^anin vÒ vËn @Ò d@n tãc vµ c, ch m¹ng giñi phãng d@n tãc.

V× vËy, NguyÔn , i Quèc @. tiÕn hính @Ëu tranh, ph^a ph, n quan @iOm sai tr, i cña mét sè sñng Céng sñn T@y Çu trong c, ch nh×n nhËn, @, nh gi, vÒ vai trã, vP trÝ, còng nh- t--ng lai cña c, ch m¹ng thuéc @Pa. Tã @ã NguyÔn , i Quèc cho r>ng: c, c d@n tãc thuéc @Pa phñi ðua vµo sãc cña chÝnh m×nh, @ãng thêi phñi biÕt tranh thñ sù @oµn kÏt, ñng hé cña giai cËp v« sñn vµ nh@n d@n lao @éng thÏ giñi @Ó tr-íc hÏt @Ëu tranh giµnh @éc lËp d@n tãc, tã th¾ng lĩi nuy tiÕn l^an lµm c, ch m¹ng x- héi chñ nghÜa, gãp phÇn vµo tiÕn tr×nh c, ch m¹ng thÏ giñi.

Theo Hả ChÝ Minh: chñ nghÜa y^au nưíc v tinh thÇn d@n tãc lµ mét @éng lúc lín cña @Ët n-íc. N^m 1924, NguyÔn , i Quèc @Ò cËp @Õn chñ nghÜa d@n tãc ã thuéc @Pa- @ã lµ chñ nghÜa d@n tãc, chñ nghÜa y^au n-íc ch@n chÝnh. V× vËy _chñ nghÜa d@n tãc lµ mét @éng lúc lín cña @Ët n-íc_. NguyÔn , i Quèc @. cã s, ng t^o lín lµ Ng-êi xuËt ph, t tãc @Æc @iOm kinh tÏ ã thuéc @Pa s<ng D--ng cßn l^c hËu, n^an ph@n ho, giai cËp ch-a triÏt @Ó, @Ëu tranh giai cËp ã @Çy kh«ng ðiOn ra giềng nh- ã ph--ng T@y. Tr, i lⁱ c, c giai cËp ã s<ng D--ng vËn cã t--ng @ãng lín: ði lµ @Pa chñ hay n<ng d@n há @Òu lµ ng-êi n< lÏ mËt n-íc. V× vËy, theo NguyÔn , i Quèc, trong c, ch m¹ng giñi phãng d@n tãc, ng-êi ta sĩ kh«ng thÏ lµm g× @-íc cho ng-êi An Nam nÏu kh«ng ðua trãn c, c @éng lúc vÏ @ⁱ, vµ duy nhËt cña @êi sèng x- héi cña há. NguyÔn , i Quèc chñ tr--ng: Ph, t @éng chñ nghÜa d@n tãc bñn xø nh@n danh Quèc tÏ Céng sñn. khi chñ nghÜa d@n tãc cña há th¾ng lĩi, nhËt @Pnh chñ nghÜa d@n tãc Êy biÕn thụn chñ nghÜa quèc tÏ.

Séc lËp d@n tãc g³/n liOn víi chñ nghÜa x- héi

Ngay từ khi tiếp cận Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin, Hồ Chí Minh đã hình thành đường lối cứu nước: giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, gắn bó thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và CNXH. Người nói: “ Cả hai cuộc giải phóng này (dân tộc và giai cấp) chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới.” Tiếp đó, ngay trong Chánh cương, Sách lược vắn tắt được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam tháng 2/1930, Hồ Chí Minh đã xác định Cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn: Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng (tức cách mạng dân tộc-dân chủ) để đi tới xã hội cộng sản. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự gắn bó thống nhất giữa độc lập dân tộc và CNXH vừa phản ảnh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Xoá bỏ ách áp bức dân tộc mà không xoá bỏ tình trạng bóc lột và áp bức giai cấp thì nhân dân lao động vẫn chưa được giải

phóng. Người nói: “Nếu nước độc lập mà dân không được hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì.” Do đó giành được độc lập rồi, thì phải tiến lên CNXH, vì mục tiêu của CNXH là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Như vậy, ở Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước truyền thống đã phát triển thành chủ nghĩa yêu nước hiện đại, độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

*****VỀ tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.**

Thời đại ngày nay, đặc biệt là giai đoạn hiện nay đang diễn ra một cuộc đấu tranh gay gắt trên mặt trận tư tưởng cũng như về hoạt động thực tiễn mà chúng ta cần nhận thức đúng đắn để tiến hành những hoạt động quốc tế phù hợp phục vụ sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Do vậy phải giáo dục cho nhân dân có được niềm tin về lý tưởng XHCN trong điều kiện thế giới có nhiều biến đổi. Cần phải xử lý nghiêm minh, công bằng đối với những hành vi vi phạm pháp luật làm suy thoái tư tưởng, băng hoại đạo đức xã hội. Hội nhập quốc tế mà không được chệch hướng XHCN, bảo đảm mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào cách mạng thế giới.

Không ngừng bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc, làm cho bản sắc văn hoá được giữ vững và phát triển. Giữ vững tinh thần độc lập tự chủ trong tiếp thu sức mạnh bên ngoài, kết hợp sức mạnh trong nước. Việc giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc chính đáng, ý thức bảo vệ văn hoá dân tộc, tiếp thu có chọn lọc văn hoá nước ngoài là những yêu cầu cấp thiết được đặt ra đối với việc “mở cửa”. Công tác đối ngoại được xác định có vai trò quan trọng đối với việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Tư tưởng về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một nội dung lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng đó được vận dụng và phát triển trong thực tiễn cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nội dung của tư tưởng này rất phong phú, sâu sắc về thời đại, về sự kết hợp các sức mạnh này trong thực tiễn đấu tranh. Tư tưởng của Người còn thấm đượm chủ nghĩa nhân văn sâu sắc, tính cách mạng triệt để nên ảnh hưởng to lớn đến cuộc đấu tranh lâu dài cho nhân dân các nước vì sự nghiệp “Giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người”

Là một chiến sỹ quốc tế chân chính, xuất phát từ quan điểm độc lập tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc, Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho độc lập của dân tộc mình mà còn đấu tranh cho độc lập dân tộc của tất cả các dân tộc bị áp bức. Ở Người, chủ nghĩa yêu nước chân chính luôn gắn liền với chủ nghĩa quốc tế cao cả, trong sáng. Người nói: “ Chúng ta phải tranh đấu cho tự do độc lập của các dân tộc khác như là tranh đấu cho dân tộc ta vậy.” Chủ trương “ giúp bạn là tự giúp mình”, Hồ Chí Minh luôn nêu cao tinh thần dân tộc tự quyết song không quên nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình. Với Người, phải thông qua thắng lợi của Cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của Cách mạng thế giới. Về quan hệ quốc tế, Người tuyên bố với thế giới: “ Căn cứ trên quyền lợi chung, Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hoà bình và xây dựng dân chủ thế giới.”

Tự trung, tự tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc vừa mang tính khoa học đúng đắn, vừa có tính chất cách mạng, mang đậm tính nhân văn sâu sắc, thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, độc lập dân tộc cho mình đồng thời độc lập cho tất cả các dân tộc.

Ngày nay, trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước cũng đang đứng trước những cơ hội và thách thức to lớn đòi hỏi chúng ta phải chủ động đón lấy và sáng suốt vượt qua. Để làm được điều đó chúng ta cần nghiên cứu, vận dụng tư tưởng của Người về mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm tạo ra những nguồn lực mới, đưa sự nghiệp đổi mới vững bước tiến lên, giành những thắng lợi mới.

Trước hết, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng đều phải đặc biệt coi trọng và giữ vững độc lập dân tộc. Lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của ông cha ta từ ngàn xưa cũng như sự nghiệp giải phóng dân tộc do Đảng cộng sản Việt Nam đứng đầu là Hồ Chí Minh khởi xướng từ 1930 đến nay được ghi lại bằng máu và nước mắt. Thế mới thấy được ý nghĩa của độc lập dân tộc, mới thấu hiểu được tư tưởng bất hủ “Không có gì quý hơn độc lập tự do” của Hồ Chí Minh. Trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, không một quốc gia nào có thể phát triển mà không gắn với những mối quan hệ đa dạng và đa phương với các quốc gia khác trong cộng đồng quốc tế. Việt Nam cũng nằm trong xu thế ấy. Ngoài những lợi ích hiển nhiên, hơn bao giờ hết, nước ta đang đứng trước rất nhiều nguy cơ có ảnh hưởng trực tiếp đến độc lập dân tộc. Đó là những nguy cơ lệ thuộc vào nước ngoài về kinh tế, chính trị, nguy cơ phai nhạt bản sắc văn hoá dân tộc, tiếp thu một nền văn hoá lai căng phi bản sắc. Bên cạnh những nguy cơ mang tính hệ quả của toàn cầu hoá và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta còn phải đối mặt với âm mưu diễn biến hoà bình. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước đang núp dưới những chiêu bài tự do, dân chủ, nhân quyền, dân tộc tôn giáo để chống phá sự nghiệp cách mạng nước ta (Sự biến Tây Nguyên 2/2001 và 4/2004). Trước những nguy cơ ấy, Đảng và Nhà nước ta phải không ngừng khơi dậy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, nguồn động lực mạnh mẽ để xây dựng và bảo vệ đất nước. Phát huy tối đa các nguồn nội lực, bao gồm con người, trí tuệ, truyền thống, đất đai, tài nguyên, v.v để xây dựng và phát triển kinh tế, đưa đất nước từng bước bắt kịp các nước phát triển. Đất nước phát triển, nền kinh tế hùng mạnh sẽ góp phần trực tiếp tạo sức mạnh cho nhân dân ta giữ vững độc lập dân tộc. Độc lập dân tộc phải được xem là cái bất biến trong sự thiên biến vạn hoá của nền kinh tế thế giới đang phát triển với xu thế toàn cầu hoá; bản sắc văn hoá Việt Nam cũng phải được xem là cái bất biến trong sự đa dạng các nền văn hoá thế giới, tiếp thu những hay, cái đẹp, cái tiên tiến mà vẫn không mất đi cái gốc, cái chất Việt Nam trong mỗi con người. Đó cũng là cách để giữ vững độc lập dân tộc theo đúng nghĩa của nó.

Độc lập là tài sản thiêng liêng vô giá của cả dân tộc, là cái phải giữ cho dù mất tất cả, “hy sinh tất cả”. Muốn thực hiện tốt tinh thần bất hủ ấy của Hồ Chí Minh, ngày nay đường lối của Đảng và Nhà nước ta phải thể hiện rõ sự quan tâm, không ngừng chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tiếp thu và phát huy tinh hoa của dân tộc với truyền thống “lấy dân làm gốc” (Dân vi bản quốc gia trường thọ), sinh thời Hồ Chí Minh đã không ngừng giáo dục cán bộ, đảng viên phải luôn luôn có tinh thần “vì dân phục vụ”. Người nói: “Gốc có vững cây mới bền, Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân” Chăm lo và không ngừng nâng cao đời sống cho nhân dân là cách thiết thực nhất để bảo vệ độc lập dân tộc, vì theo Người, dân như nước, chở thuyền cũng là nước mà lật thuyền cũng là nước. Dân giàu thì nước mạnh, mà nước mạnh thì độc lập dân tộc còn. Chủ trương diệt giặc đói và giặc dốt của Người năm 1945 về cơ bản chính là nền tảng của việc chăm lo và nâng cao đời sống cho người dân về vật chất cũng như tinh thần. Và suy cho cùng, mục tiêu của độc lập dân tộc, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là tự do, ấm no, hạnh phúc của nhân dân; và dĩ nhiên là dân được ấm no tự do hạnh phúc sẽ ra sức bảo vệ nền độc lập vốn mang lại những điều tốt đẹp đó. Như vậy, chăm lo, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân vừa là mục tiêu vừa là cách thiết thực nhất để bảo vệ độc lập dân tộc theo đúng tinh thần mà Hồ Chí Minh đã nêu rõ.

Thấm nhuần tư tưởng của người về vấn đề dân tộc, ta càng phải phát huy chủ nghĩa dân tộc chân chính, tinh thần tích cực chủ động, sáng tạo và tự lực tự cường của mọi người dân Việt Nam để góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc, bảo vệ nền độc lập dân tộc. Người Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết cộng

đồng, ý chí tự chủ kiên cường, sáng tạo, bất khuất, không chịu làm nô lệ, không cam phận nghèo hèn. Những phẩm chất tốt đẹp ấy đã được phát huy cao độ trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, đưa đến thắng lợi vĩ đại Điện Biên và Đại thắng mùa xuân 1975, giải phóng MN thống nhất đất nước, đưa cả nước quá độ lên CNXH. Ngày nay, truyền thống quý báu ấy, chủ nghĩa dân tộc chân chính cần được tiếp tục khơi dậy mạnh mẽ, biến nó thành một nguồn nội lực đưa đất nước vượt qua mọi khó khăn thách thức, vững bước tiến lên cùng bè bạn khắp năm châu.

Thời đại ngày nay, đặc biệt là giai đoạn hiện nay đang diễn ra một cuộc đấu tranh gay gắt trên mặt trận tư tưởng cũng như về hoạt động thực tiễn mà chúng ta cần nhận thức đúng đắn để tiến hành những hoạt động quốc tế phù hợp phục vụ sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Do vậy phải giáo dục cho nhân dân có được niềm tin về lý tưởng XHCN trong điều kiện thế giới có nhiều biến đổi. Cần phải xử lý nghiêm minh, công bằng đối với những hành vi vi phạm pháp luật làm suy thoái tư tưởng, băng hoại đạo đức xã hội. Hội nhập quốc tế mà không được chệch hướng XHCN, bảo đảm mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào cách mạng thế giới.

Không ngừng bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc, làm cho bản sắc văn hoá được giữ vững và phát triển. Giữ vững tinh thần độc lập tự chủ trong tiếp thu sức mạnh bên ngoài, kết hợp sức mạnh trong nước. Việc giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc chính đáng, ý thức bảo vệ văn hoá dân tộc, tiếp thu có chọn lọc văn hoá nước ngoài là những yêu cầu cấp thiết được đặt ra đối với việc “mở cửa”. Công tác đối ngoại được xác định có vai trò quan trọng đối với việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Tư tưởng về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một nội dung lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng đó được vận dụng và phát triển trong thực tiễn cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nội dung của tư tưởng này rất phong phú, sâu sắc về thời đại, về sự kết hợp các sức mạnh này trong thực tiễn đấu tranh. Tư tưởng của Người còn thấm đượm chủ nghĩa nhân văn sâu sắc, tính cách mạng triệt để nên ảnh hưởng to lớn đến cuộc đấu tranh lâu dài cho nhân dân các nước vì sự nghiệp “Giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người”./.

Hội nghị Trung ương 7 khóa IX của Đảng ra Nghị quyết “Về công tác dân tộc” đã khẳng định: “Ngay từ khi mới ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng nước ta. Dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Đảng ta đã đề ra các chủ trương, chính sách dân tộc với những nội dung cơ bản là: Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển. Trải qua các thời kỳ cách mạng, công tác dân tộc đã đạt được những thành tựu to lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung của đất nước”⁽¹²⁾. Nghị quyết Hội nghị Trung ương cũng chỉ rõ trong thời kỳ cách mạng hiện nay, các cấp, các ngành cần phải quán triệt và thực hiện những yêu cầu nội dung và nhiệm vụ công tác dân tộc, đó là:

Trước hết, toàn Đảng, toàn dân phải nhận thức đầy đủ vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc và công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay, đó là một bộ phận quan trọng của công tác cách mạng, là bộ phận cấu thành của sự nghiệp cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo.

Thứ hai là nhiệm vụ đổi mới về công tác dân tộc của các cấp, các ngành, của hệ thống chính trị hiện nay là tập trung phát triển kinh tế - xã hội, khai thác tiềm năng của vùng đồng bào dân tộc và miền núi, đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo, quan tâm đầy đủ, đúng mức tới các dân tộc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến. Phải cụ thể hơn nữa các nhiệm vụ chính trị trên đây thành các hoạt động công tác thiết thực và có hiệu quả.

Thứ ba là, các hoạt động sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ đối với vùng dân tộc và miền núi phải đổi mới một bước mạnh mẽ, phù hợp thích ứng với đặc điểm, điều kiện đặc thù của từng vùng miền.

Thứ tư là phải củng cố hệ thống chính trị cơ sở, đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ là người các dân tộc thiểu số, tăng cường cán bộ cho cơ sở, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở.

Thứ năm là xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, không ngừng nâng cao tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc để phá hoại sự nghiệp cách mạng của ta.

Thứ sáu là phải đổi mới công tác dân tộc cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng hiện nay. Kịch bản toàn củng cố hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương.

Quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết Trung ương 7, làm cho Nghị quyết đi vào cuộc sống, chính là chúng ta tiếp tục học tập và thấm nhuần tư tưởng của Bác Hồ về vấn đề dân tộc, đáp ứng mong mỏi của Người lúc sinh thời “Ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Chủ tịch Hồ Chí Minh vị cha già của các dân tộc, về công tác dân tộc đã phản ánh biết bao hoài bão, mơ ước và nguyện vọng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng những điều đó đã và đang trở thành hiện thực sinh động trong đời sống xã hội đối với các dân tộc. Và vì thế, tư tưởng Hồ Chí Minh muôn đời tỏa ngát hương thơm trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam